TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: **71**/2021/DS-ST
Ngày: 19/11/2021
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Chi;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hạnh, Bà Lê Thị Huệ ;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLST-DSST ngày 05/4/2021 về *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng , thẻ* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 73/2021/QĐXX-ST ngày 23/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số : 70/2021/QĐST-HPT ngày 21/10/2021

1.Nguyên đơn : ***Ngân hàng TMCP K***

Địa chỉ trụ sở: 191 B, phường H, quận Hai Bà Trưng , thành phố Hà Nội .Người đại diện theo pháp luật: Ông H.H.A- Chức danh: Chủ tịch HĐQT . Người đại diện theo ủy quyền: Bà P.T.N- Giám đốc Xử lý nợ. Ủy quyền lại cho : Bà Nguyễn Thị N, ông Phạm V, ông Trần T – chuyên viên xử lý nợ theo văn bản ủy quyền số 119303/2020 ngày 30/12/2020.

2. Bị đơn : ***Anh N.V.B , sinh năm 1983***
Chị Nguyễn Thị M.T, sinh năm 1989

- Địa chỉ : Số 10 ngõ 25/86 đường P, phường K, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan : AnhT.V.T sinh năm : 1977, (Có mặt tại phiên tòa) Bà P.T.H sinh năm : 1957, ông T.V.I sinh năm : 1950 ,anh T.V.S sinh năm : 1991, chị V.T.T sinh năm : 1997. Chị Bùi Thị H.H, sinh năm :1980; (Đều vắng mặt)

Cùng trú tại :Thôn D , xã Z, huyện G , thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện , bản tự khai và các biên bản hòa giải tại Tòa án, đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 19/11/2010, ông N.V.B và bà Nguyễn Thị M.T và Ngân hàng TMCP K (Techcombank) đã ký Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 38803/HĐTD/TH-TN/TCB/HQV-QNM và khế ước nhân nợ số 38803 ngày 23/11/2010 với nội dung cụ thể như sau:Số tiền vay: **1.970.000.000 đồng** *(Một tỷ chín trăm bảy mươi triệu đồng chẵn).* Theo đó, ngày 23/11/2010, ông N.V.B và bà Nguyễn Thị M.T đã nhận giải ngân số tiền **1.970.000.000 đồng;**Mục đích vay vốn: Mua nhà;Thời hạn vay: 300 tháng; Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 23/11/2035; Lãi suất vay: Lãi suất linh hoạt như sau: Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 31/3/2011 là 17,5%/năm; thời gian tiếp theo, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/1 lần vào các ngày 02/01, 01/04, 01/07, 01/10 và bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường 12 tháng loại trả sau của Techcombank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5,5%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Ngân hàng tại từng thời kỳ theo từng đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm thay đổi lãi suất.Ngày 17/10/2011, ông N.V.B còn được Ngân hàng TMCP K phát hành Thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức **40.000.000 đồng.** Tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng của ông N.V.B và bà Nguyễn Thị M.T tại Ngân hàng Techcombank nêu tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 38803/HĐTD/TH-TN/TCB/HQV-QNM trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 242, tờ bản đồ số 07 tại Thôn D, xã Z, huyện G, TP. Hà Nội. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất S 529117, Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00513 QSDĐ/453.QĐ-UB, do UBND huyện G, tỉnh Hà Tây (cũ) – nay là TP. Hà Nội cấp ngày 31/3/2003 cho hộ ông T.V.T. Ngày 15/11/2010, đính chính sang tên ông T.V.T. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 1356.2010/HĐTC-TCB ngày 19/11/2010 tại Văn phòng công chứng A1. Tài sản bảo đảm này được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – huyện G, thành phố Hà Nội. _Tính đến ngày 24/12/2020, dư nợ của ông N.V.B và bà Nguyễn Thị M.T tại Ngân hàng TMCP K như sau: Tổng nợ gốc: 1.372.403.000 đồng. Tổng nợ lãi: 648.951.357 đồng Tổng nợ: 2.021.354.357 đồng .Thẻ tín dụng: 44.431.987 đồng. Tổng cộng: 2.065.786.344 đồng. Buộc ông N.V.B và bà Nguyễn Thị M.T thanh toán cho Techcombank số tiền: 2.065.786.344 đồng, bao gồm 1.372.403.000 đồng nợ gốc; 648.951.357 đồng nợ lãi và 44.431.987 đồng.

Thẻ tín dụng *(tạm tính đến hết ngày 24/12/2020)* và các khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 38803/HĐTD/TH-TN/TCB/HQV-QNM và Thẻ tín dụng kể từ ngày 25/12/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Buộc ông N.V.B và bà Nguyễn Thị M.T thanh toán cho Techcombank tiền phạt vi phạm Hợp đồng với số tiền là 1% x 1.970.000.000 đồng =19.700.000 đồng theo quy định tại Điều 13.3.5 của Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 38803/HĐTD/TH-TN/TCB/HQV-QNM. Kể từ ngày Quyết định/bản án có hiệu lực pháp luật, ông N.V.B và bà Nguyễn Thị M.T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và toàn bộ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký thì Techcombank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông N.V.B và bà Nguyễn Thị M.T đối với Techcombank. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông N.V.B và bà Nguyễn Thị M.T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Techcombank.

Bị đơn ông N.V.B và bà T trình bày : Ngày 19/11/2010, ông N.V.B và bà Nguyễn Thị M.T và Ngân hàng TMCP K (Techcombank) đã ký Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 38803/HĐTD/TH-TN/TCB/HQV-QNM và khế ước nhân nợ số 38803 ngày 23/11/2010 với nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 1.970.000.000 đồng , mục đích để mua nhà. Ông T đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp khoản cho khoản vay trên tại ngân hàng vì ông Thế cũng sử dụng khoản tiền vay trên . Tại buổi hòa giải tại Tòa án Ông B xác nhận ông bà đã trả cho ngân hàng 597.597.000 đồng . Còn lại 1.372.403.000 đồng nợ gốc và lãi như bảng kê tính lãi của ngân hàng. Ngày 18/10/2011, ông Ba còn được Ngân hàng TMCP K phát hành Thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức 40.000.000 đồng**.** Nay do kinh tế khó khăn , tình hình Covid kéo dài ông đề nghị ngân hàng xem xét, tạo điều kiện cho ông xây dựng lộ trình và phương án trả nợ như sau : Xin thanh toán toàn bộ số nợ gốc còn lại của khoản vay của hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng quốc tế và xin toàn bộ nợ lãi. Bà Nguyễn Thị M.T có đơn viết tay ủy quyền cho ông B, được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T.V.T : Ông có kí hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng tín dụng giữa ông N.V.B và bà Nguyễn Thị M.T và Ngân hàng TMCP K. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 242, tờ bản đồ số 07 tại Thôn D, xã Z, huyện G, TP. Hà Nội. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất S 529117, Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00513 QSDĐ/453.QĐ-UB, do UBND huyện G, tỉnh Hà Tây (cũ) – nay là TP. Hà Nội cấp ngày 31/3/2003 cho hộ ông T.V.T. Ngày 15/11/2010, đính chính sang tên ông

T.V.T. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 1356.2010/HĐTC-TCB ngày 19/11/2010 tại Văn phòng công chứng A1. Nay do kinh tế khó khăn , tình hình Covid kéo dài đề nghị ngân hàng xem xét, tạo điều kiện cho ông B , bà Tvà ông xây dựng lộ trình và phương án trả nợ như sau : Xin thanh toán toàn bộ sô nợ gốc của khoản vay mà ông đứng ra kí hợp đồng thế chấp và xin miễn toàn bộ lãi cho khoản vay trên.

Người liên quan là Chị Bùi Thị H.H, Bà P.T.H, ông T.V.I,anh T.V.S, chị V.T.T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến đối với nội dung vụ án.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn trình bày: Rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi phạt của hợp đồng tín dụng là : 234.304.075 đồng và hợp đồng thẻ là : 8.788.128 đồng, rút yêu cầu với việc phạt vi phạm hợp đồng là 19.700.000 đồng . Nay buộc ông B và bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến ngày 19/11/2021 với tổng số tiền là : 2.085.544.179 đồng trong đó nợ gốc là 1.372.403.000 đồng **,** nợ lãi là 713.141.179 đồng(Lãi trong hạn là : 615.539.244 đồng, Lãi quá hạn là 97.601.935 đồng). Trường hợp ông B và bà T không thanh toán được khoản nợ trên thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Buộc ông Ba phải thanh toán số tiền thẻ tín dụng tính đến ngày 19/11/2021 là : 51.510.127 đồng (Nợ gốc : 18.722.832 đồng , nợ lãi 28.887.295 đồng, tiền phí 3.900.000 đồng)

- Nguyên đơn Ông N.V.B , bà Nguyễn Thị M.T đã được tống đạt niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử , Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T trình bày :Ông và vợ ông là bà Bùi Thị H.H có ký hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba với ngân hàng TMCP K , ông cùng ông B bà T xử dụng nguồn tiền vay trên. Khi ký kết ông hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc gì. Nay do làm ăn thua lỗ ông đề nghị ngân hàng tạo điều kiện chỉ thanh toán nợ gốc và xin cùng ông B trả dần khoản vay.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H, ông I, bà H, anh S, chị Tđã được tống đạt hợp lệ phiên tòa nhưng không có mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật

của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K . Buộc ông B và bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến ngày 19/11/2021 với tổng số tiền là : 2.085.544.179 đồng trong đó nợ gốc là 1.372.403.000 đồng **,** nợ lãi là 713.141.179 đồng(Lãi trong hạn là : 615.539.244 đồng, Lãi quá hạn là 97.601.935 đồng). Trường hợp ông B và bà T không thanh toán được khoản nợ trên thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Buộc ông B phải thanh toán số tiền thẻ tín dụng tính đến ngày 19/11/2021 là : 51.510.127 đồng (Nợ gốc : 18.722.832 đồng , nợ lãi 28.887.295 đồng, tiền phí 3.900.000 đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp cùng các tài liệu Tòa án xác minh thu thập được xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp về Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ. Bị đơn có hộ khẩu và trú tại số 10 ngõ 26/86 P, phường K, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông N.V.B, bà Nguyễn Thị M.T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H, ông I, bà H, anh S, chị T đã được Tòa án tống đạt niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Ba, bà Tới, bà Hiệp, ông Thủy, bà Hạnh, chị Trang và anh Sinh.

[2] Về nội dung:

Ngày 19/11/2010, ông N.V.B và bà Nguyễn Thị M.T và Ngân hàng TMCP K (Techcombank) đã ký Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 38803/HĐTD/TH-TN/TCB/HQV-QNM và khế ước nhân nợ số 38803 ngày 23/11/2010 với nội dung cụ thể như sau:Số tiền vay: **1.970.000.000 đồng** *(Một tỷ chín trăm bảy mươi triệu đồng chẵn).* Theo đó, ngày 23/11/2010, ông N.V.B và bà Nguyễn Thị M.T đã nhận

giải ngân số tiền **1.970.000.000 đồng;**Mục đích vay vốn: Mua nhà;Thời hạn vay: 300 tháng; Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 23/11/2035;Tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng của ông N.V.B và bà Nguyễn Thị M.T tại Ngân hàng Techcombank nêu tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 38803/HĐTD/TH-TN/TCB/HQV-QNM trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 242, tờ bản đồ số 07 tại Thôn D, Z, huyện G, TP. Hà Nội. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất S 529117, Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00513 QSDĐ/453.QĐ-UB, do UBND huyện G, tỉnh Hà Tây (cũ) – nay là TP. Hà Nội cấp ngày 31/3/2003 cho hộ ông T.V.T. Ngày 15/11/2010, đính chính sang tên ông T.V.T. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 1356.2010/HĐTC-TCB ngày 19/11/2010 tại Văn phòng công chứng A1. Tài sản bảo đảm này được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – huyện G, thành phố Hà Nội. _ Tính đến ngày 19/11/2021, dư nợ của ông N.V.B và bà Nguyễn Thị M.T tại Ngân hàng TMCP K như sau: Tổng số tiền là : 2.085.544.179 đồng trong đó nợ gốc là 1.372.403.000 đồng **,** nợ lãi là 713.141.179 đồng (Lãi trong hạn là : 615.539.244 đồng, Lãi quá hạn là 97.601.935 đồng). Ngoài ra ông Ba phải thanh toán số tiền thẻ tín dụng tính đến ngày 19/11/2021 là : 51.510.127 đồng (Nợ gốc : 18.722.832 đồng , nợ lãi 28.887.295 đồng, tiền phí 3.900.000 đồng)

Hội đồng xét xử nhận định Hợp đồng tín dụng nói trên được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định về cho vay tài sản của Bộ luật dân sự. Do đó xác định đây là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ông B và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng. Do không trả được nợ đến hạn nên khoản vay của ông bà đã chuyển sang nợ quá hạn. Do vậy việc Ngân hàng TMCP K khởi kiện buộc ông B và bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến ngày 19/11/2021 với tổng số tiền là : 2.085.544.179 đồng. Trong đó nợ gốc là 1.372.403.000 đồng**,** nợ lãi là 713.141.179 đồng (Lãi trong hạn là : 615.539.244 đồng, Lãi quá hạn là 97.601.935 đồng) là có căn cứ được chấp nhận.

+ Về lãi suất: Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ vào Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, Hội đồng xét xử xét thấy:Việc thỏa thuận về lãi suất cho vay phải phù hợp quy định của pháp luật và được bên vay chấp nhận.

- Nợ lãi trong hạn: Theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết và Giấy nhận nợ giữa Ngân hàng TMCP K và ông B, bà T lãi suất cho vay thỏa thuận là 17,5% /năm, mức lãi suất được thay đổi theo quy định của Ngân hàng theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

- Nợ lãi quá hạn: Ngân hàng có yêu cầu tính lãi quá hạn từ thời điểm bị đơn vi phạm hợp đồng tín dụng .

Theo Bảng kê tính lãi quá hạn do nguyên đơn cung cấp, kể từ thời điểm vay, bị đơn mới chỉ trả số tiền khoản nợ gốc là 597.597.000 đồng. Tại Bảng kê tính lãi quá hạn tính đến ngày 19/11/2021 do Ngân hàng cung cấp là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án ông B và bà T trình bày : Ông T ký hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba với ngân hàng TMCP K và cùng sử dụng nguồn tiền vay nhưng trong cả quá trình giải quyết vụ án ông không cung cấp thêm tài liệu, không yêu cầu giải quyết gì và thống nhất trả khoản vay của hợp đồng tín dụng mà ông và bà T đã kí .

Do vậy, buộc ông B, bà T phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 19/11/2021 là : 2.085.544.179 đồng (*Hai tỉ, không trăm , tám mươi năm triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn , một trăm bảy mươi chín đồng*). Trong đó nợ gốc là 1.372.403.000 đồng **,** nợ lãi là 713.141.179 đồng (Lãi trong hạn là : 615.539.244 đồng, Lãi quá hạn là 97.601.935 đồng)

+ Về tài sản đảm bảo cho khoản vay: Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp cho Hợp đồng vay trên. Trên đất có ông I, bà H, anh S, chị T sinh sống. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng không có ý kiến gì với nôi dung vụ án .

Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng thế chấp giữa nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật .Việc thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, tài sản thế chấp là hợp pháp được các bên thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

- Đối với hợp đồng phát hành thẻ thẻ tín dụng **:** Ngày 18/10/2011, ông N.V.B còn được Ngân hàng TMCP K phát hành Thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức 40.000.000 đồng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng – các tài liệu gọi chung là hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của

ông Ba nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông B đã thực hiện các giao dịch tính đến ngày 19/11/2021, ông B còn nợ Ngân hàng là : 51.510.127 đồng (Nợ gốc : 18.722.832 đồng , nợ lãi 28.887.295 đồng, tiền phí 3.900.000 đồng). Ngân hàng buộc ông B phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử là 51.510.127 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc kể từ ngày 20/11/2021 cho đến khi thanh toán xong mọi khoản nợ theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/10/2011 được ký kết giữa Ngân hàng với ông B trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông B đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả lãi và gốc, vi phạm định kỳ trả nợ. Phía Ngân hàng đã nhiều lần làm việc để yêu cầu ông B thanh toán nợ nhưng đến nay ông B vẫn chưa thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. HĐXX xét thấy ông Ba đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng . Việc khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông N.V.B phải trả số tiền còn nợ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần được chấp nhận. Lãi suất, phí tiếp tục được tính kể từ ngày 20/11/2021 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/10/2011 cho đến khi ông B thanh toán xong khoản nợ.

Ngân hàng TMCP K rút yêu cầu về lãi phạt của hợp đồng tín dụng là : 234.304.075 đồng và hợp đồng thẻ là : 8.788.128 đồng, phạt vi phạm hợp đồng là 19.700.000 đồng nên đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về mức nộp án phí Tòa án. Do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông B , bà T phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng đã kí kết là 73.710.884 đồng. Ông B phải chịu án phí cho hợp đồng thẻ tín dụng là 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228 ; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 463; Điều 465; Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự .

- Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với ông N.V.B và bà Nguyễn Thị M.T.

- Buộc ông N.V.B và bà Nguyễn Thị M.T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP K theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 38803/HĐTD/TH-TN/TCB/HQV-QNM và khế ước nhân nợ số 38803 ngày 23/11/2010 với tổng số tiền phải thanh toán tính đến ngày 19/11/2021 là : 2.085.544.179 đồng (*Hai tỉ, không trăm , tám mươi năm triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn , một trăm bảy mươi chín đồng*). Trong đó nợ gốc là 1.372.403.000 đồng (*Một tỉ, ba trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm lẻ ba nghìn đồng*) **,** nợ lãi là 713.141.179 đồng *(Bảy trăm mười ba triệu, một trăm bốn mươi mốt nghìn, một trăm bảy chín đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Ông B, bà T phải tiếp tục chịu lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số trung, dài hạn số 38803/HĐTD/TH-TN/TCB/HQV-QNM và khế ước nhân nợ số 38803 ngày 23/11/2010 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên và lãi phát sinh thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên ,phát mại xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 242, tờ bản đồ số 07 tại Thôn D, Z, huyện G, TP. Hà Nội. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất S 529117, Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00513 QSDĐ/453.QĐ-UB, do UBND huyện G, tỉnh Hà Tây (cũ) –

nay là TP. Hà Nội cấp ngày 31/3/2003 cho hộ ông T.V.T. Ngày 15/11/2010, đính chính sang tên ông T.V.T. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 1356.2010/HĐTC-TCB ngày 19/11/2010 tại Văn phòng công chứng A1. Tài sản bảo đảm này được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – huyện G, thành phố Hà Nội.

- Buộc ông N.V.B phải trả cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương số tiền tính đến ngày 19/11/2021 là 51.510.127 đồng (Nợ gốc : 18.722.832 đồng , nợ lãi 28.887.295 đồng, tiền phí 3.900.000 đồng) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc kể từ ngày 20/11/2021 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/10/2011. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K về lãi phạt của hợp đồng tín dụng là : 234.304.075 đồng và hợp đồng thẻ là : 8.788.128 đồng, phạt vi phạm hợp đồng là 19.700.000 đồng .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N.V.B , bà Nguyễn Thị M.T phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là : 73.710.884 đồng (*Bảy mươi ba triệu, bảy trăm mười nghìn, tám trăm tám mươi bốn đồng)* ngoài ra ông Ba còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) . Ngân hàng TMCP K được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 36.657.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 42508 ngày 05/4/2021 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Thành phố HN;
- VKS Bắc Từ Liêm, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án Bắc Từ Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Nguyễn Thùy Chi